

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày 14/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hồ Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn A Giao

Ông Tao Văn Si

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hóa – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà:

Ông Lê Văn Khánh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/HS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 03/01/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình C**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày: 27/4/1990; Tại: T, Lai Châu;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đình D (Đã chết); Con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 02 chị em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Lò Thị T, sinh năm 1991; Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án:

(1) Bản án số: 13/2012/HSST ngày 30/11/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường áp dụng khoản 1, Điều 194, Điều 20, 53 điểm p, khoản 1, Điều 46 BLHS năm 1999, xử phạt 36 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và áp dụng khoản 1, Điều 194, điểm o, p, khoản 1, Điều 46BLHS năm 1999, xử phạt 24 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng Điều 50 BLHS tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc phải chấp hành là 60 tháng tù.

(2) Bản án số: 10/2018/HSST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm h, p, khoản 1, Điều 46, điểm g (Tái phạm), khoản 1, Điều 48 BLHS năm 1999, xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

(3) Bản án hình sự số: 36/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của TAND thành phố Lai Châu. Áp dụng điểm g, (tái phạm nguy hiểm) khoản 2, Điều 173, điểm r,

s, khoản 1, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 của BLHS tuyên phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/7/2019 đến ngày 28/7/2019 là 09 (chín) ngày, còn lại bị cáo phải chấp hành là 29 (hai mươi chín) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 01/10/2019.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị VKSND thành phố Lai Châu áp dụng biện pháp bắt tạm giam trong vụ án khác từ ngày 01/10/2019 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Vàng A D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Bản T, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. (Có mặt)

2. Chị Lò Thị T, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng 14 giờ ngày 29/9/2019 Nguyễn Đình C, sinh năm 1990 trú tại: bản N, thị trấn T, huyện T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu VISION, do hãng Hon Da sản xuất có BKS 25B1 - 316.65 của vợ là Lò Thị T, sinh năm 1991 làm xe ôm chở một người đàn ông từ thị trấn T C không biết tên tuổi, địa chỉ) đến bản A, xã K, huyện T với tiền công là 120.000đồng (*Một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Chở khách xong C tiếp tục điều khiển xe đi vào bản T, xã K, huyện T với mục đích tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. C phát hiện gia đình Vàng A D, sinh năm 1984 mở cửa nên C đi vào sân thì gặp cháu Vàng Pàng D, sinh ngày 05/9/2009 (con gái anh D) hỏi xin nước uống và hỏi bố mẹ đi đâu cháu bé bảo đi làm nương biết không có người lớn ở nhà C đi vào nhà ngồi ở bàn uống nước quan sát sung quanh phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7 màu đen, sản xuất năm 2018, bộ nhớ trong 64GB, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số seri: R58KA56EC8H, số IMEI 1: 351580104100447, số IMEI 2: 351580104100445, để trên một chiếc ghế nhựa màu xanh bên trái gần cửa chính (theo hướng đi từ trong ra ngoài), lúc này cháu D đi ra ngoài đổ rác. Lợi dụng sơ hở, C lén lút đi đến vị trí đặt điện thoại nhanh tay cầm và cất giấu vào túi quần bên phải nhanh chóng ra đi ra ngoài lấy xe mô tô của mình đi về.

Trên đường về C dừng xe gần cầu suối N, thuộc bản C, xã B nhặt một que nhỏ bằng tre tháo sim vứt xuống nương nước và tắt nguồn của chiếc điện thoại để vào túi quần bên phải tiếp tục điều khiển xe về nhà và cất giấu điện thoại không để cho ai biết.

Khoảng 09 giờ ngày 30/9/2019 C điều khiển xe mô tô BKS 25B1-316.65 của vợ bảo đi chợ nhưng thực chất mục đích mang điện thoại trộm cắp đi bán tại cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại di động của anh Nguyễn Phú H, sinh năm 1987 ở bản H, xã B, huyện T qua thỏa thuận H mua với giá 2.500.000đồng (*Hai*

triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có. Có tiền Chiếu tiêu xài cá nhân hết 250.000đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền còn lại 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị Cơ quan điều tra- Công an huyện Tam Đường tạm giữ niêm phong theo quy định.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7 màu đen, sản xuất năm 2018, bộ nhớ trong 64GB, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số seri: R58KA56EC8H, số IMEI 1: 351580104100447, số IMEI 2: 351580104100445 sau khi Công an huyện Tam Đường tiến hành làm việc, Nguyễn Phú H mới biết tài sản mình mua do trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 01/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tam Đường đã kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7, bộ nhớ trong 64GB của anh Vàng A D do Nguyễn Đình C trộm cắp có giá trị là: **6.152.000** đồng (Sáu triệu một trăm năm mươi hai nghìn).

Bản cáo trạng số 01/CT - VKSTĐ ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường đã truy tố Nguyễn Đình C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận và bản cáo trạng nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Vàng A D trình bày: Ngày 06/11/2019, anh Vàng A D đã được nhận lại chiếc điện thoại SAMSUNGA7 bị mất, đối với 01 sim điện thoại bị cáo C đã vứt mất anh không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường gì thêm. Về hình phạt, anh D đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phú H trình bày: Khi anh H mua chiếc điện thoại SAMSUNG A7 của bị cáo C với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), anh Hải không biết đó là tài sản do bị cáo C trộm cắp mà có. Ngày 13/01/2019, gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh H số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên anh không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T trình bày: Chị T không biết việc bị cáo C sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu VISION biển kiểm soát 25B1-316.65 của chị T để làm phương tiện trộm cắp tài sản và bán tài sản trộm cắp. Ngày 06/11/2019, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị nên chị không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung với bản án số 36/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Án định thời hạn tù kể từ ngày 01/10/2019; Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lò Thị T, Nguyễn Phú H không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết; Xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền

2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn*) thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình C không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường.

Tại lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Đình C thể hiện việc nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Đình C đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo đều phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 15 giờ ngày 29/9/2019 tại nhà của anh Vàng A D, sinh năm 1984, trú tại bản T, xã K, huyện T, tỉnh Lai Châu, Nguyễn Đình C đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản nên có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7 màu đen, có bộ nhớ trong 64GB, số kiểu máy: SM-A750GN/DS, số seri: R58KA56EC8H, số IMEI 1: 351580104100447, số IMEI 2: 351580104100445 có giá trị là 6.152.000 đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng*) đây là tài sản hợp pháp của anh Vàng A D đang để trên ghế nhựa ở trong nhà.

Bị cáo Nguyễn Đình C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Ý thức được điều đó nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tại bản án số 10/2018/HSST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm h, p khoản 1, Điều 46, điểm g (Tái phạm), khoản 1, Điều 48 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 27/9/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Đến tháng 7 năm 2019, bị cáo Nguyễn Đình C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tại bản án hình sự số 36/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của TAND thành phố L, áp dụng điểm g, (tái phạm nguy hiểm) khoản 2, Điều 173, điểm r, s, khoản 1, Điều 51, điểm g, khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58 của BLHS tuyên phạt bị cáo 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/7/2019 đến ngày 28/7/2019 là 09 (*chín*) ngày, còn lại bị cáo phải chấp

hành là 29 (*hai mươi chín*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 01/10/2019.

Đến ngày 29/9/2019, bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội khi đã tái phạm chưa được xóa án tích. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Đình C đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, không oan sai, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đình C có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, đã 03 lần bị Tòa án xét xử và phải đi chấp hành án, chịu sự giáo dục nghiêm khắc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội trong thời gian được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Về vấn đề tổng hợp hình phạt và cách tính thời hạn tù đối với bị cáo:

Về vấn đề tổng hợp hình phạt: Tính đến thời điểm xét xử vụ án này, bị cáo đang chấp hành hình phạt của Bản án sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu là 30 (*ba mươi tháng*) tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/7/2019 đến ngày 28/7/2019 là 09 (*chín*) ngày, bị cáo còn phải chấp hành tiếp 29 (*hai mươi chín*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 01/10/2019, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt với lần phạm tội này.

Về cách tính thời hạn tù: Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu áp dụng biện pháp tạm giam trong vụ án khác từ ngày 01/10/2019 và thi hành quyết định tạm giam sau phiên tòa của Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, đến ngày 31/12/2019 Chánh án Tòa án nhân dân huyện Tam Đường ban hành quyết định tạm giam số 01/2019/HSST-QĐTG đối với bị cáo Nguyễn Đình C kể từ ngày 03/01/2020, tuy nhiên tại thời điểm này bị cáo đang chấp hành quyết định thi hành án phạt tù số 02/2019/QĐ-CA ngày 24/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Vì vậy cần ấn định thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2019 đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T, Nguyễn Phú H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Đình C phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Đối với số tiền 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C. Xét thấy, đây là số tiền bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Những vấn đề liên quan:

Đối với Nguyễn Phú H, sinh năm 1987, trú tại bản H, xã B, huyện T có mua một điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7. Trong khi giao dịch mua bán Hải hoàn toàn không biết tài sản mình mua là do C trộm cắp mà có. Nên hành vi của Nguyễn Phú H không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình C sử dụng xe mô tô nhãn hiệu VISION, do hãng Honda sản xuất có BKS 25B1- 316.65 của vợ mình là Lò Thị T làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, T không biết nên không đồng phạm với C về tội Trộm cắp tài sản theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47; khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 24 (*hai mươi tư*) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung với bản án số 36/2019/HS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu đã xử phạt bị cáo C 30 (*ba mươi tháng*) tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 19/7/2019 đến ngày 28/7/2019 là 09 (*chín*) ngày, còn lại bị cáo phải chấp hành là 29 (*hai mươi chín*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày tù. Hình phạt chung của hai bản án mà bị cáo C phải chấp hành là 53 (*năm mươi ba*) tháng 21 (*hai mươi mốt*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo Nguyễn Đình C.

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 45 phút ngày 30/12/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Đường với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường*).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi Cục THADS huyện Tam Đường;
- Công an huyện Tam Đường;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thành viên HĐXX

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

